SỞ Y TẾ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN

Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A

Số công bố: 220001747/PCBA-HN

Ngày công bố: 08/06/2022

1. Tên cơ sở công bố: CÔNG TY TNHH KỸ THƯƠNG MINH LONG
2. Địa chỉ: Số 25 ngõ 121 phố Kim Ngưu, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
3. Số văn bản của cơ sở: 11CV/2022/ML Ngày: 03/06/2022
4. Trang thiết bị y tế thuộc loại A

Tên trang thiết bị y tế: Ống lấy mẫu máu chứa chất chống đông

Tên thương mại:

Mã Global Medical Device Nomenclature – GMDN (nếu có):

Chủng loại: Theo phụ lục

Mã sản phẩm (nếu có): Theo phụ lục

Quy cách đóng gói:

Mục đích sử dụng: Dùng để chứa mẫu máu

Tên cơ sở sản xuất: Theo phụ lục

Địa chỉ cơ sở sản xuất: Theo phụ lục

Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm áp dụng: ISO 13485:2016

5. Đối với trang thiết bị y tế chứa chất ma túy, tiền chất (nếu có):
6. Thông tin về chủ sở hữu trang thiết bị y tế:

Tên chủ sở hữu: Sarstedt AG & Co. KG

Địa chỉ chủ sở hữu: Sarstedtstraße 1, 51588 Nümbrecht, GERMANY

7. Thông tin về cơ sở bảo hành (nếu có):
8. Số công bố đủ điều kiện sản xuất đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước:
9. Thành phần hồ sơ:

1	Văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A	x
2	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	x
3	Giấy ủy quyền của chủ sở hữu trang thiết bị y tế	x
4	Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành	x
5	Bản tiêu chuẩn mà chủ sở hữu trang thiết bị y tế công bố áp dụng	x
6	Tài liệu kỹ thuật mô tả chức năng, thông số kỹ thuật của trang thiết bị y tế do chủ sở hữu trang thiết bị y tế ban hành	x
7	Tài liệu hướng dẫn sử dụng của trang thiết bị y tế bằng tiếng Việt; đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu kèm theo bản gốc bằng tiếng Anh do chủ sở hữu trang thiết bị y tế ban hành	x
8	Mẫu nhãn trang thiết bị y tế	x

BẢNG KÊ CHI TIẾT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (NẾU CÓ)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	TÊN CƠ SỞ CHỦ SỞ HỮU/ HÃNG, NƯỚC CHỦ SỞ HỮU	TÊN CƠ SỞ BẢO HÀNH	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ BẢO HÀNH
1	Ống lấy mẫu máu chứa chất chống đông		7,5ML S-MONOV. SE	01.1601		Sarstedt AG & Co. KG	Sarstedtstraße 1, 51588 Nümbrecht, GERMANY		
2			7,5ML S-MONOV. SE-GEL	01.1602					
3			7,5ML S-MONOV. NH4	01.1603					
4			7,5ML S-MONOV. LI	01.1604					
5			7,5ML S-MONOV. LI-HEP.-GEL	01.1634					
6			7,5ML S-MONOV. SE E SCHWARZ	01.1601.001					
7			S-Monovette® 7.5ml Z Bloodbank	01.1601.014					
8			7,5ML S-MONOV. SE E ROT	01.1601.100					
9			7,5ML S-MONOV. SE-GEL E	01.1602.001					
10			7,5ML S-MONOV. LI E	01.1604.001					
11			7,5ML S-MONOV. LI E GRÜN	01.1604.100					
12			7,5ML S-MONOV.LI-FLÜSS.MET.ANA	01.1604.400					
13			7,5ML S-MONOV. EDTA E ROSA	01.1605.001					
14			7,5ML S-MONOV. EDTA E VIOL.	01.1605.100					
15			8,2ML S-MONOV. CIT. E GRÜN	01.1606.001					
16			7,5ML S-MONOV. LI-FLÜSS. E	01.1608.001					
17			7,5ML S-MONOV. LI-FLÜSS.E GRÜ	01.1608.100					
18			8,5ML S-MONOV. CPDA E GELB/S.	01.1610.001					
19			7,5ML S-MONOV. NA-HEP. E GRÜN	01.1613.100					
20			7,5ML S-MONOV. EDTA-GEL E	01.1621.001					
21			7,5ML S-MONOV. OF E	01.1728.001					
22			9ML MONOV.L SE GEL	02.261					
23			9ML MONOV.L SE	02.263					
24			9ML MONOV.L LI	02.265					
25			9ML S-MONOV. SE	02.1063					
26			9ML S-MONOV. NH4	02.1064					
27			9ML S-MONOV. LI	02.1065					
28			9ML S-MONOV. SE GEL	02.1388					
29			9ML MONOV.L EDTA E ROSA	02.267.001					

30		9ML S-MONOV. SE E SCHW.	02.1063.001			
31		S-Monovette® 9ml Z Blood Bank	02.1063.014			
32		9ML S-MONOV. SE E ROT	02.1063.100			
33		9ML S-MONOV. NH4 E BLAU	02.1064.001			
34		9ML S-MONOV. LI E ORAN.	02.1065.001			
35		9ML S-MONOV. EDTA E ROSA	02.1066.001			
36		10ML S-MONOV. CIT. E GRÜN	02.1067.001			
37		9ML S-MONOV. EDTA-GEL E	02.1333.001			
38		9ML S-MONOV. SE GEL E	02.1388.001			
39		9ML S-MONOV. OF E	02.1726.001			
40		9ML S-MONOV. OF E VE	02.1726.021			
41		4ML S-MONOV. EDTA	03.1068			
42		5,5ML S-MONOV. SE	03.1397			
43		4,7ML S-MONOV. SE-GEL	03.1524			
44		5,5ML S-MONOV. LI	03.1628			
45		4ML S-MONOV. EDTA E ROSA	03.1068.001			
46		4ML S-MONOV. EDTA E VIO	03.1068.100			
47		5,5ML S-MONOV. SE E SCHWARZ	03.1397.001			
48		5,5ML S-MONOV. SE E ROT	03.1397.100			
49		4,7ML S-MONOV. SE GEL E	03.1524.001			
50		5,5ML S-MONOV. BZ E	03.1626.001			
51		5,5ML S-MONOV. LI E ORANGE	03.1628.001			
52		5,5ML S-MONOV. LI E GRÜN	03.1628.100			
53		4,7ML S-MONOV. LI-HEP.-GEL E	03.1631.001			
54		4,7ML S-MONOV. LI-HEP.-GEL E	03.1631.100			
55		2,6ML S-MONOV. EDTA	04.1901			
56		2,9ML S-MONOV. CITRAT	04.1902			
57		2,6ML S-MONOV. BZ	04.1903			
58		2,6ML S-MONOV. SE	04.1904			
59		2,6ML S-MONOV. SE-GEL	04.1905			
60		2,6ML S-MONOV. LI	04.1906			
61		2,6ML S-MONOV. LI-HEP.-GEL	04.1907			
62		3,4ML S-MONOV. EDTA	04.1914			
63		2,7ML S-MONOV. EDTA ROT	04.1917			
64		2,7ML S-MONOV. BZ GELB	04.1918			
65		3ML S-MONOV. CITRAT GRÜN	04.1919			
66		4,3ML S-MONOV. CITRAT	04.1922			
67		4ML S-MONOV. SE	04.1924			

68		4ML S-MONOV. SE-GEL	04.1925			
69		2,7ML S-MONOV. LI-HEP.-GEL	04.1928			
70		2,7ML S-MONOV. LI ORANGE	04.1929			
71		4,9ML S-MONOV. EDTA	04.1931			
72		4,9ML S-MONOV. SE	04.1934			
73		4,9ML S-MONOV. SE-GEL	04.1935			
74		4,9ML S-MONOV. LI	04.1936			
75		4,9ML S-MONOV. LI-HEP.-GEL	04.1940			
76		2,6ML S-MONOV.EDTA-K2E E VIOL.	04.1900.100			
77		2,6ML S-MONOV. EDTA E ROT	04.1901.001			
78		2,6ML S-MONOV. EDTA E VIOL.	04.1901.100			
79		2,9ML S-MONOV. CITR. E GRÜN	04.1902.001			
80		2,9ML S-MONOV. CITR. E BLAU	04.1902.100			
81		2,6ML S-MONOV. BZ E GELB	04.1903.001			
82		2,6ML S-MONOV. BZ E GRAU	04.1903.100			
83		2,6ML S-MONOV. SE E SCHWARZ	04.1904.001			
84		2,6ML S-MONOV. SE E ROT	04.1904.100			
85		2,6ML S-MONOV. SE-GEL E BRAUN	04.1905.001			
86		2,6ML S-MONOV. LI E ORANGE	04.1906.001			
87		2,6ML S-MONOV. LI E GRÜN	04.1906.100			
88		2,6ML S-MONOV. LI-HEP.-GEL E	04.1907.100			
89		2,7ML S-MONOV. HCY/SE-GEL	04.1908.001			
90		2,9ML S-MONOV. CTAD E SCHWARZ	04.1909.001			
91		3,8ML S-MONOV.CIT.PUFFER E BLA	04.1910.001			
92		2,9ML S-MONOV. CITR./HCY PH4,3	04.1911.001			
93		2,6ML S-MONOV. NA-HEP. E GRÜN	04.1913.100			
94		3,4ML S-MONOV. EDTA E ROSA	04.1914.001			
95		2,7ML S-MONOV.EDTA-K2E E VIOL.	04.1915.100			
96		2,7ML S-MONOV. EDTA E ROSA	04.1917.001			
97		2,7ML S-MONOV. EDTA E VIOLETT	04.1917.100			
98		2,7ML S-MONOV. BZ E GELB	04.1918.001			
99		2,7ML S-MONOV. BZ E GRAU	04.1918.100			
100		3ML S-MONOV. CITRAT E GRÜN	04.1919.001			
101		3ML S-MONOV. CITRAT E BLAU	04.1919.100			
102		4ML S-MONOV. LI E GRÜN	04.1920.100			
103		4ML S-MONOV. EDTA E VIOLETT	04.1921.100			
104		4,3ML S-MONOV. CITR. E GRÜN	04.1922.001			
105		4,3ML S-MONOV. CITR. E BLAU	04.1922.100			

106		4ML S-MONOV. SE E ROT	04.1924.100			
107		4,9ML S-MONOV. OF E	04.1926.001			
108		2,7ML S-MONOV. LI E ORANGE	04.1929.001			
109		4,9ML S-MONOV. EDTA E ROSA	04.1931.001			
110		4,9ML S-MONOV. EDTA E BLUTBANK	04.1931.010			
111		4,9ML S-MONOV. EDTA E VIOL.	04.1931.100			
112		4,9ML S-MONOV. EDTA-GEL E	04.1932.001			
113		4,9ML S-MONOV. SE E SCHWARZ	04.1934.001			
114		4,9ML S-MONOV. SE E ROT	04.1934.100			
115		4,9ML S-MONOV. SE-GEL E BRAUN	04.1935.001			
116		4,9ML S-MONOV. LI E ORANGE	04.1936.001			
117		4,9ML S-MONOV. LI E GRÜN	04.1936.100			
118		5,6ML S-MONOV. CPDA E GELB	04.1938.001			
119		4,9ML S-MONOV. LI-FLÜSS. E	04.1939.001			
120		4,9ML S-MONOV. LI-HEP.-GEL E	04.1940.001			
121		4,9ML S-MONOV. LI-HEP.-GEL E	04.1940.100			
122		2,7ML S-MONOV. SE E SCHWARZ	04.1943.001			
123		2,7ML S-MONOV. DNA E BLAU	04.1948.001			
124		1,8ML S-MONOV. CITRAT E GRÜN	04.1955.001			
125		1,6ML S-MONOV. EDTA E ROSA	04.1956.001			
126		4,5ML MONOV.L SE	05.274			
127		5ML S-MONOV. CIT.	05.1071			
128		2,7ML S-MONOV. BZ	05.1073			
129		2,7ML S-MONOV. BZ/LI	05.1076			
130		2ML S-MONOV. BSG	05.1079			
131		4,5ML S-MONOV. SE	05.1104			
132		4,5ML S-MONOV. NH4	05.1105			
133		4,5ML S-MONOV. LI	05.1106			
134		1ML MONOV.L BLG	05.1146			
135		2ML MONOV.L BLG NEU	05.1147			
136		3ML S-MONOV. CITRAT	05.1165			
137		2,7ML S-MONOV. EDTA	05.1167			
138		2,7ML S-MONOV. LI	05.1553			
139		2,7ML S-MONOV. SE	05.1557			
140		5ML S-MONOV. CIT.E GRÜN	05.1071.001			
141		5ML S-MONOV. CIT.E BLAU	05.1071.100			
142		2,7ML S-MONOV. BZ E GELB	05.1073.001			
143		2,7ML S-MONOV. BZ E GRAU	05.1073.100			

144		3,1ML S-MONOV. GLUCOEXACT E	05.1074.001			
145		2ML S-MONOV. BSG E VIOL.	05.1079.001			
146		2ML S-MONOV. BSG E+ST.SCHW.	05.1079.100			
147		1,6ML S-MONOV. EDTA E ROSA	05.1081.001			
148		1,6ML S-MONOV. EDTA E VIOLETT	05.1081.100			
149		4,5ML S-MONOV. SE E SCHWARZ	05.1104.001			
150		4,5ML S-MONOV. SE E ROT	05.1104.100			
151		4,5ML S-MONOV. LI E ORANGE	05.1106.001			
152		4,5ML S-MONOV. LI E GRÜN	05.1106.100			
153		1ML MONOV.L BLG VE	05.1146.020			
154		2ML MONOV.L BLG VE	05.1147.020			
155		2ML MONOV.L BLG E K ADAPTER VE	05.1147.028			
156		Monovette® 2ml LH Ventilation	05.1147.048			
157		3ML S-MONOV. CITRAT E GRÜN	05.1165.001			
158		3ML S-MONOV. CITRAT E BLAU	05.1165.100			
159		2,7ML S-MONOV. EDTA E ROSA	05.1167.001			
160		2,7ML S-MONOV. EDTA E VIOL.	05.1167.100			
161		S-Monovette® 2.7ml K3E Emerg.	05.1167.901			
162		2,7ML S-MONOV. THROMBOEXACT E	05.1168.001			
163		2,7ML S-MONOV. LI E ORANGE	05.1553.001			
164		2,7ML S-MONOV. LI E GRÜN	05.1553.100			
165		2,7ML S-MONOV. SE E SCHWARZ	05.1557.001			
166		2,7ML S-MONOV. SE E ROT	05.1557.100			
167		4,5ML S-MONOV. OF E	05.1727.001			
168		2,7ML S-MONOV. OF E	05.1729.001			
169		1,2ML S-MONOV.EDTA-K2E E VIOL.	06.1660.100			
170		1,2ML S-MONOV. EDTA E ROSA	06.1662.001			
171		1,2ML S-MONOV. SE E SCHWARZ	06.1663.001			
172		1,2ML S-MONOV. SE E ROT	06.1663.100			
173		1,2ML S-MONOV. EDTA E ROSA	06.1664.001			
174		1,2ML S-MONOV. EDTA E VIOLETT	06.1664.100			
175		1,2ML S-MONOV. BZ E GELB/SCHW.	06.1665.001			
176		1,2ML S-MONOV. BZ E GRAU	06.1665.100			
177		1,2ML S-MONOV. LI E ORAN.	06.1666.001			
178		1,2ML S-MONOV. LI E GRÜN	06.1666.100			
179		1,1ML S-MONOV. SE-GEL E BRAUN	06.1667.001			
180		1,4ML S-MONOV. CITR. E GRÜN	06.1668.001			
181		1,4ML S-MONOV. CITR. E BLAU	06.1668.100			

182		1,1ML S-MONOV. LI-HEP.-GEL E	06.1669.001			
183		3,5ML S-SEDIV. BSG E VIOL.	06.1690.001			
184		3,5ML S-SEDIV. BSG E SCHWARZ	06.1690.100			
185		25ML VET.-MONOV. OF OD UNST.	09.225			
186		9ML S-MONOV. OF E FORMALDEHYDE	09.1704.001			
187		25ML S-MONOV.OF E FORMALDEHYDE	09.1705.001			
188		0,6ML MULTIVETTE SE	15.1670			
189		0,6ML MULTIVETTE EDTA	15.1671			
190		0,6ML MULTIVETTE BZ	15.1672			
191		0,6ML MULTIVETTE LI-HEP	15.1673			
192		0,6ML MULTIVETTE SE-GEL	15.1674			
193		0,6ML MULTIVETTE LI-GEL	15.1675			
194		0,6ML MULTIVETTE SE (ROT)	15.1670.100			
195		0,6ML MULTIVETTE EDTA (VIOL.)	15.1671.100			
196		0,6ML MULTIVETTE LI-HEP (GRÜN)	15.1673.100			
197		0,6ML MULTIVETTE LI-GEL GRÜN	15.1675.100			
198		MICROVETTE CB300 SE	16.440			
199		MICROVETTE CB300 BRA.SE	16.441			
200		MICROVETTE CB300 LI	16.443			
201		MICROVETTE CB300 EDTA	16.444			
202		MICROVETTE CB300 BZ	16.446			
203		MICROVETTE CB300 SE ROT	16.440.100			
204		MICROVETTE CB300 LI GRÜN	16.443.100			
205		MICROVETTE CB300 EDTA VIOLETT	16.444.100			
206		MINIVETTE POCT 10µl NEUTRAL	17.2111.010			
207		MINIVETTE POCT 20µl NEUTRAL	17.2111.020			
208		MINIVETTE POCT 50µl NEUTRAL	17.2111.050			
209		MINIVETTE POCT 100µl NEUTRAL	17.2111.100			
210		MINIVETTE POCT 200µl NEUTRAL	17.2111.200			
211		Minivette® POCT 20µl with cap	17.2111.920			
212		MINIVETTE POCT 20µl LI-HEP.	17.2112.020			
213		MINIVETTE POCT 50µl LI-HEP.	17.2112.050			
214		MINIVETTE POCT 100µl LI-HEP.	17.2112.100			
215		MINIVETTE POCT 100µl LI-HEP.US	17.2112.101			
216		MINIVETTE POCT 20µl LI-HEP.USA	17.2112.120			
217		MINIVETTE POCT 50µl LI-HEP.USA	17.2112.150			
218		MINIVETTE POCT 200µl LI-HEP.	17.2112.200			
219		MINIVETTE POCT 200µl LI-HEP.US	17.2112.201			

220		MINIVETTE POCT 20µl EDTA K	17.2113.020			
221		MINIVETTE POCT 50µl EDTA K	17.2113.050			
222		MINIVETTE POCT 100µl EDTA VIO.	17.2113.101			
223		MINIVETTE POCT 20µl EDTA K USA	17.2113.120			
224		MINIVETTE POCT 50µl EDTA K USA	17.2113.150			
225		MINIVETTE POCT 200µl EDTA K US	17.2113.201			
226		Minivette®POCT 20µl,sample set	17.2114.020			
227		Minivette®POCT 50µl,sample set	17.2114.050			
228		Minivette®POCT100µl,sample set	17.2114.100			
229		Minivette®POCT 20µl,sample set	17.2114.120			
230		Minivette®POCT200µl,sample set	17.2114.200			
231		MICROVETTE CB 200 EDTA	18.1321			
232		MICROVETTE CB 200 BZ	18.1322			
233		MICROVETTE CB 200 SE	18.1323			
234		MICROVETTE CB 200 SE-GEL	18.1324			
235		MICROVETTE CB 200 BSG	18.1325			
236		End-to-End Capillary 10µl AH	19.414			
237		End-to-End Capillary 20µl K2E	19.447			
238		BG capillary tube 100µl	19.930.100			
239		BG capillary tube 125µl	19.930.125			
240		BG capillary tube 140µl	19.930.140			
241		BG capillary tube 175µl	19.930.175			
242		MICROVETTE 100 EDTA ROT	20.1278			
243		MICROVETTE 100 SE WEIß	20.1280			
244		MICROVETTE 100 LI ORANGE	20.1282			
245		MICROVETTE 200 EDTA ROT	20.1288			
246		MICROVETTE 200 BZ GELB	20.1289			
247		MICROVETTE 200 SE WEIß	20.1290			
248		MICROVETTE 200 SE-GEL BRAUN	20.1291			
249		MICROVETTE 200 LI ORANGE	20.1292			
250		MICROVETTE 300 BZ GELB	20.1307			
251		MICROVETTE 300 SE WEIß	20.1308			
252		MICROVETTE 300 LI ORANGE	20.1309			
253		MICROVETTE 500 EDTA ROT	20.1341			
254		MICROVETTE 500 SE WEIß	20.1343			
255		MICROVETTE 500 SE-GEL BRAUN	20.1344			
256		MICROVETTE 500 LI ORANGE	20.1345			
257		MICROVETTE 500 LI-H.GEL ORANGE	20.1346			

258		MICROVETTE 100 EDTA VIOLETT	20.1278.100			
259		MICROVETTE 100 SE ROT	20.1280.100			
260		MICROVETTE 100 LI GRÜN	20.1282.100			
261		MICROVETTE 200 EDTA VIOLETT	20.1288.100			
262		MICROVETTE 200 BZ GRAU	20.1289.100			
263		MICROVETTE 200 SE ROT	20.1290.100			
264		MICROVETTE 200 LI GRÜN	20.1292.100			
265		MICROVETTE 300 BZ GRAU	20.1307.100			
266		MICROVETTE 300 SE ROT	20.1308.100			
267		MICROVETTE 300 LI GRÜN	20.1309.100			
268		MICROVETTE 500 EDTA VIOLETT	20.1341.100			
269		MICROVETTE 500 SE ROT	20.1343.100			
270		MICROVETTE 500 LI GRÜN	20.1345.100			
271		MICROVETTE 500 LI-H.GEL GRÜN	20.1346.100			
272		Tube 10ml, 95x16.8mm, Z	26.323			
273		Tube 10ml, 95x16.8mm, K3E	26.358			
274		Tube 10ml, 95x16.8mm, Z	26.367			
275		Tube 10ml, 95x16.8mm, LH	26.369			
276		Tube 10ml, 100x15.7mm, Z	28.364			
277		Tube 7ml, 100x13mm, K3E	29.376			
278		Tube 7ml, 100x13mm, Z	29.373.004			
279		Tube 4.5ml, 75x13mm, Z	32.329			
280		Tube 4.5ml, 75x13mm, LH	32.331			
281		Tube 5ml, 75x13mm, K3E	32.332			
282		Tube 4.4ml, 75x13mm, Z-Gel	32.311.001			
283		Tube 5ml, 75x13mm, 9NC	32.525.326			
284		Tube 4ml, 75x12mm, LH	36.336			
285		Tube 4ml, 75x12mm, K3E	36.338			
286		Tube 2ml, 75x12mm, FH	36.339			
287		Tube 4ml, 75x12mm, Z	36.350			
288		Tube 2ml, 55x12mm, K3E	38.346			
289		Micro tube 1ml 9NC	41.1506			
290		Micro tube 1000ul DiaSys/20ul	41.1178.903			
291		Micro tube 1.3ml 9NC	41.1350.005			
292		Micro tube 1.3ml 9NC	41.1350.105			
293		Micro tube 1.1ml Z-Gel	41.1378.005			
294		Micro tube 1.3ml Z	41.1392.005			
295		Micro tube 1.3ml Z	41.1392.105			

296		Micro tube 1.3ml LH	41.1393.005			
297		Micro tube 1.3ml LH	41.1393.105			
298		Micro tube 1.3ml FH	41.1394.005			
299		Micro tube 1.3ml FH	41.1394.105			
300		Micro tube 1.3ml K3E	41.1395.005			
301		Micro tube 1.3ml K3E	41.1395.105			
302		Micro tube 500ul Gen2 Ro/20ul	41.1438.901			
303		Micro tube 1ml hem. reag./20µl	41.1438.904			
304		Micro tube 1000µl ESAT/20µl	41.1443.904			
305		Micro tube 1000µl HbA1C/10µl	41.1496.911			
306		Micro tube 1.1ml Z-Gel	41.1500.005			
307		Micro tube 1.3ml Z	41.1501.005			
308		Micro tube 1.3ml Z	41.1501.015			
309		Micro tube 1.3ml LH	41.1503.005			
310		Micro tube 1.3ml LH	41.1503.015			
311		Micro tube 1.3ml LH	41.1503.105			
312		Micro tube 1.3ml K3E	41.1504.005			
313		Micro tube 1.3ml K3E	41.1504.015			
314		Micro tube 1.3ml K3E	41.1504.105			
315		Micro tube 1.3ml FH	41.1505.005			
316		Micro tube 0.5ml 9NC	41.1506.002			
317		Micro tube 1.3ml 9NC	41.1506.005			
318		Micro tube 1.3ml K3E Membrane	41.3395.005			
319		Micro tube 100µl Brillant.	42.117			
320		Tube 1ml 92x15.3mm hem.Sa/20µl	45.498.003			
321		Tube 10ml, 101x16.5mm, Z	46.361			
322		Tube 10ml, 101x16.5mm, LH	46.363.001			
323		Tube 10ml, 101x16.5mm, Z	46.390.001			
324		Tube 2ml, 66x11.5mm, 4NC	47.410			
325		Tube 3ml, 66x11.5mm, K3E	47.556			
326		Tube 1ml, 66x11.5mm, HbA1c	47.409.001			
327		Tube 3ml, 66x11.5mm, K3E	47.556.001			
328		Tube 5ml, 57x16.5mm, LH	49.354.001			
329		Tube 5ml, 57x16.5mm, K3E	49.355.001			
330		Tube 2ml, 57x16.5mm, 9NC	49.396.812			
331		2ML RÖ. 75X12 THROMBO PLUS	51.334			
332		Hemoplus® kit, German	51.1444			
333		SALIVETTE-SPEICHELUNTERSUCHUNG	51.1534			

334			FORMALIN SYSTEM 450 ML	51.1703					
335			Blood Gas capillary set 100ul	51.931.100					
336			Blood Gas capillary set 125ul	51.931.125					
337			Blood Gas capillary set 140ul	51.931.140					
338			Blood Gas capillary set 175ul	51.931.175					
339			Hemoplus® kit, English	51.1444.001					
340			Salivette® with citric acid	51.1534.001					
341			Salivette® Cortisol, code blue	51.1534.500					
342			8,5ML ALKO.MONOV.SET NEUT.(BS)	51.1559.201					
343			FORMALIN SET 9 ML	51.1703.009					
344			FORMALIN SET 25 ML	51.1703.025					